

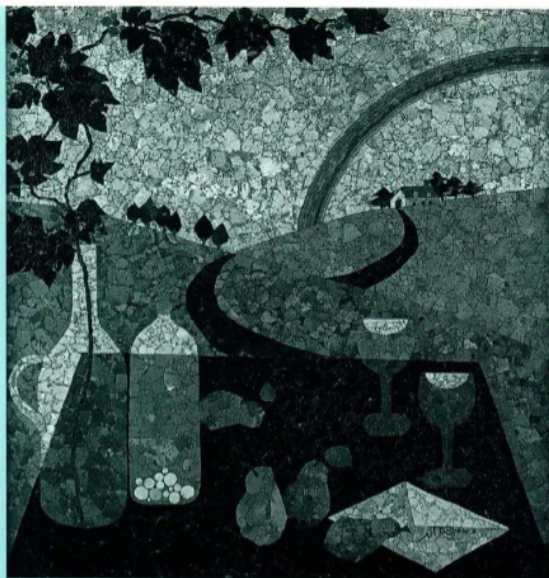
Minna no Nihongo

みんなの 日本語

Trung cấp II

中級Ⅱ翻訳・文法解説 ベトナム語版

Bản dịch và Giải thích Ngữ pháp



スリーエーネットワーク

Minna no Nihongo

みんなの 日本語

Trung cấp II

中級Ⅱ翻訳・文法解説 ベトナム語版

Bản dịch và Giải thích Ngữ pháp

© 2016 by 3A Corporation

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the Publisher.

Published by 3A Corporation.

Trusty Kojimachi Bldg., 2F, 4, Kojimachi 3-Chome, Chiyoda-ku, Tokyo 102-0083,
Japan

ISBN 978-4-88319-727-9 C0081

First published 2016

Printed in Japan

Lời Nói Đầu

Minna no Nihongo Chukyu II (Tiếng Nhật cho mọi người, Chương trình trung cấp II) là giáo trình tiếng Nhật trung cấp tổng hợp được lên kế hoạch, biên soạn tiếp nối cho cuốn ***Minna no Nihongo Chukyu I*** thuộc sê-ri ***Minna no Nihongo***.

Với việc làm bảo tính tiếp nối từ cấp độ sơ cấp lên cấp độ trung cấp cho người học, tính dễ hiểu của các nội dung học chính và đáp ứng nhiều ngôn ngữ, cuốn giáo trình ***Minna no Nihongo Chukyu I*** hiện đang được sử dụng rộng rãi không chỉ cho đối tượng người học trưởng thành nói chung mà còn được sử dụng như là một giáo trình tiếng Nhật cho các du học sinh ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật cả trong và ngoài Nhật Bản.

Những năm gần đây, cùng với xu hướng gia tăng số người nước ngoài định cư ở Nhật Bản đã kéo theo sự giao lưu quốc tế phát triển mạnh ở nhiều lĩnh vực, các hoạt động tại cộng đồng giữa người Nhật và người nước ngoài cũng trở nên thường xuyên hơn, đa dạng hơn.

Trong bối cảnh đa dạng hoá của môi trường trong nước và sự gia tăng của lớp người học tiếng Nhật như thế, công ty chúng tôi đã nhận được yêu cầu từ nhiều phía đề xuất bản cuốn ***Minna no Nihongo Chukyu II*** tiếp nối cuốn ***Minna no Nihongo Chukyu I***.

Để đáp ứng những yêu cầu đó, cuốn sách này đã được đúc rút, biên soạn dựa trên thành quả của quá trình viết, sử dụng thử, đánh giá bởi sự hợp lực giữa các giáo viên tiếng Nhật nhiều kinh nghiệm thực tiễn và các nhà nghiên cứu.

Ở cấp độ tiếng Nhật sơ cấp thì việc những người cần giao tiếp bằng tiếng Nhật có thể truyền tải những suy nghĩ của bản thân, hay việc có thể hiểu được nội dung mà người khác nói là điều kiện tối thiểu cần đạt được, thì ở cấp độ trung cấp thành quả có được từ việc học không chỉ là năng lực vận dụng tiếng Nhật mà nó chuyển sang giai đoạn người học có thể nắm bắt được những nét văn hoá, phong tục đặc trưng của Nhật Bản, tâm hồn Nhật Bản, và hơn thế, người học cảm nhận được niềm vui, niềm hứng khởi từ chính việc học tiếng Nhật. Chúng tôi tin rằng cuốn sách này thoả mãn được đầy đủ những yêu cầu đó của người học.

Cuối cùng, chúng tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến tất cả các quý vị đã có những góp ý, đề xuất cho chúng tôi trong quá trình biên soạn và các quý vị đã hỗ trợ chúng tôi trong việc đưa cuốn sách vào sử dụng thử trong các giờ học, v.v..

Thời gian tới, thông qua công tác phát triển và xuất bản những giáo trình cần thiết cho việc giao tiếp giữa các nền văn hoá khác nhau, công ty chúng tôi mong muốn mở rộng mạng lưới kết nối con người với con người ở khắp nơi với nhau.

Chúng tôi mong muốn nhận được nhiều hơn sự ủng hộ và động viên của quý vị.

Những Chú Thích Gửi Đến Bạn Đọc

I. Cấu trúc của giáo trình

Minna no Nihongo Chukyu II bao gồm *Quyển chính (kèm CD)* và *Bản dịch và Giải thích Ngữ pháp (bản dịch ra các ngôn ngữ)* đi kèm. *Bản dịch và Giải thích Ngữ pháp* dự kiến lần lượt sẽ được dịch ra các ngôn ngữ khác ngoài bản tiếng Anh.

Cuốn giáo trình này là giáo trình ở cuối cấp độ trung cấp, được biên soạn với mục tiêu hỗ trợ người học đã hoàn thành nội dung học trong các giáo trình: **Minna no Nihongo Shokyu I, II** (sơ cấp; 300 giờ) và **Minna no Nihongo Chukyu I** (trung cấp; 150 giờ) phát triển năng lực ngôn ngữ tổng hợp gồm các kỹ năng nói/nghe, đọc/viết và năng lực tự học cần thiết cho giai đoạn chuyển tiếp từ cấp độ trung cấp sang cấp độ cao cấp.

Cấu trúc mỗi bài học của **Minna no Nihongo Chukyu II** được bố trí theo trình tự là đọc/viết, nói/nghe, ngữ pháp/luyện tập, bài tập. Trình tự này được cân nhắc bố trí khác với trình tự trong **Minna no Nihongo Shokyu I, II** và **Minna no Nihongo Chukyu I** nhằm đem đến hiệu quả học tập tốt hơn cho người học ở cấp độ cuối trung cấp này.

II. Nội dung của giáo trình

1. Quyển chính (kèm CD)

(1) Các bài học

Cấu trúc và nội dung của các bài học trong **Minna no Nihongo Chukyu II** được bố trí như sau:

1) Đọc/Viết

Ở phần này, chúng tôi đã chuẩn bị các chủ đề đáp ứng sở thích, sự quan tâm của người học và các bài đọc với nội dung phù hợp với cấp độ học.

Các bạn đừng bận tâm vào các từ ngữ mới xuất hiện mà tham khảo phần「読むときのポイント」(các điểm cần lưu ý khi đọc) rồi đọc hết toàn bài và nắm đại ý của bài đọc. Từ vựng mới xuất hiện của mỗi bài sẽ được cung cấp trong cuốn *Bản Dịch và Giải thích Ngữ pháp* bán riêng. Tuy nhiên, các bạn nên trải nghiệm việc đọc thực sự bằng cách đoán ý nghĩa của từ trong mạch văn hoặc dùng từ điển để xác nhận, v.v...

1. 考えてみよう (Hãy nghĩ về nó)

Đây là phần để người học khởi động, chuẩn bị những kiến thức liên quan đến chủ đề của bài đọc chính và bối cảnh câu chuyện trước khi đọc nó.

2. 読もう (Hãy đọc)

Ngay đầu tiên sẽ có phần「読むときのポイント」(các điểm cần lưu ý khi đọc), phần này sẽ đưa ra các gợi ý về cách đọc, chiến lược đọc và kỹ năng đọc cần thiết

cho việc hiểu nội dung và nắm bắt tổng thể bài đọc. Mục đích là giúp người đọc tập trung vào diễn tiến của đoạn văn và có thể nắm được nhanh chóng, chính xác đại ý của bài đọc.

3. 確かめよう (Hãy xác nhận lại)

Phần này để xác nhận lại xem những nhiệm vụ nêu ra trong「読むときのポイント」(các điểm cần lưu ý khi đọc) đã được thực hiện đúng chưa, đã nắm được nội dung chính của toàn bài hay chưa, hoặc là để xác nhận lại xem đã hiểu được ý nghĩa của từ ngữ trong mạch văn hay chưa.

4. 考えよう・話そう (Hãy suy nghĩ/Hãy nói)

Ở phần này người học được yêu cầu suy nghĩ về những vấn đề liên quan đến bài đọc chính, đưa ra ý kiến, nói chuyện với nội dung hoàn chỉnh dựa vào kinh nghiệm của bản thân hoặc những điều bản thân cảm nhận.

5. チャレンジしよう (Hãy thử sức)

Ở phần này, người học được yêu cầu làm việc với những chủ điểm được phát triển từ nội dung của bài đọc và tóm tắt suy nghĩ của mình về những chủ điểm đó trong hình thức một bài viết ngắn. Để hỗ trợ cho việc này thì những từ ngữ liên quan sẽ được cung cấp, hình thức bài viết, số chữ của bài viết (200-800 chữ), cách triển khai của bài viết được chỉ định rõ.

2) Nói/Nghe

Phần Nói/Nghe trong **Chukyu II** bao gồm nội dung học các chủ đề/chức năng có liên quan với phần Đọc/Viết.

Phần đầu (bài 13 đến bài 18) với trọng tâm là các tình huống giao tiếp xã giao/giao lưu sơ vụn đáp cho người học năng lực hội thoại có thể dùng được các cách nói thích hợp ứng với chủ đề, nội dung, đối tượng giao tiếp. Ở phần「会話」(Hội thoại) sẽ cung cấp các ví dụ giao tiếp thực tế (đồng cảm, khen ngợi, khiêm tốn, an ủi, khích lệ, cách dùng của các biểu hiện lịch sự, v.v...).

Phần sau (bài 19 đến bài 24) cung cấp nhiều tình huống phát biểu bằng lời nói như: chào hỏi, phỏng vấn, phát biểu (truyền đạt thông tin), thảo luận, hùng biện, phỏng vấn xin việc, v.v... Nó đưa ra các hướng dẫn về chủ đề hội thoại, cung cấp thông tin, dữ liệu, và các biểu hiện hội thoại cụ thể có xét đến người nghe, các chỉ dẫn về cách nói.

1. やってみよう (Hãy làm thử)

Phần này dẫn nhập vào bài hội thoại mục tiêu. Người học theo các yêu cầu của bài, dùng vốn tiếng Nhật của mình để nói thử về những tình huống được đưa ra xem mình nói được mức độ nào.

2. 聞いてみよう (Hãy nghe thử)

Ở phần này, người học nghe nội dung, các biểu hiện hội thoại được đưa ra trong phần CD「会話・発表」(Hội thoại/Phát biểu).

3. もう一度聞こう (Hãy nghe lại một lần nữa)

Ở phần này, người học vừa nghe CD vừa điền vào _____, hoàn thành phần「会話・発表」(Hội thoại/Phát biểu).

4. 言ってみよう (Hãy nói thử)

Ở phần này, người học vừa xem tranh vừa chú ý đến ngữ điệu của bài hội thoại rồi thử lặp lại theo CD.

5. 練習しよう (Hãy luyện tập)

Ở phần này, người học dùng các từ chức năng và các cách nói được sử dụng trong「会話・発表」(Hội thoại/Phát biểu) rồi thay đổi tình huống, thiết đặt tình huống và luyện tập hội thoại.

6. チャレンジしよう (Hãy thử sức)

Ở phần này, với tình huống được đưa ra, người học tiến hành hội thoại có vận dụng các từ chức năng được cho là mục tiêu của bài học đó.

3) Ngữ pháp/Luyện tập

Phần Ngữ pháp/Luyện tập ở mỗi bài đều được chia ra thành Đọc/Viết và Nói/Nghe.

1. Các mẫu ngữ pháp (mẫu câu) trong Đọc/Viết và Nói/Nghe được chia thành hai phần là *Các mẫu lý giải* và *Các mẫu thực hành*.
2. Cả *Các mẫu lý giải* và *Các mẫu thực hành* đều được trình bày dưới dạng một câu tiêu đề trích ra từ trong phần Đọc/Viết và Nói/Nghe. Phần các mẫu ngữ pháp được biểu thị bởi chữ nét đậm.
3. Ở phần *Các mẫu lý giải*, các câu ví dụ được cung cấp để thúc đẩy sự nắm bắt của người học, và bài tập gồm hai sự lựa chọn a. hay b. được đưa ra để người học kiểm tra xem mình đã hiểu đúng ý nghĩa, chức năng của mẫu câu hay chưa.
4. Ở phần *Các mẫu thực hành*, người học sau khi nắm bắt các mẫu ngữ pháp qua các câu ví dụ sẽ làm nhiều dạng bài tập được thiết kế nhằm giúp họ thực hành các mẫu câu và kết nối chúng với lời nói của họ hàng ngày.

4) Bài tập

Bài tập ở cuối mỗi bài bao gồm phần nghe (biểu thị bởi biểu tượng CD) và phần đọc hiểu. Bài tập không chỉ bao gồm các mẫu câu hay từ vựng, cách nói đã học trong bài đó mà chúng tôi đã chọn đưa vào các tình huống, nội dung của Hội thoại/Phát biểu, các bài viết, bài báo trên cơ sở chú trọng đến các mục tiêu của bài học, chủ đề, chức năng. Mục đích của phần bài tập không chỉ dừng lại ở việc giúp người học nhìn lại các nội dung đã học trong bài mà thông qua việc làm bài tập còn để rèn luyện cho họ khả năng nắm bắt tiếng Nhật tổng hợp và giúp họ nuôi dưỡng đời sống ngôn ngữ phong phú hơn.

(2) Cách ghi chữ Hán

- 1) Về nguyên tắc thì các chữ Hán đều từ「^{じょうようかんじひょう}常用漢字表」(Bảng các chữ Hán thường dùng) và Phụ lục bổ sung của nó.

- 1 Trong các chữ 「熟字訓」(là một từ gồm từ 2 chữ Hán trở lên, có cách đọc đặc biệt) thì chữ nào nằm trong Phụ lục bổ sung của Bảng các chữ Hán thường dùng sẽ được ghi bằng chữ Hán.

Ví dụ: 友達 (bạn), 眼鏡 (kính), 風邪 (cảm), 一人 (một người)

- 2 Có một số chữ Hán và cách đọc dù không nằm trong Bảng các chữ Hán thường dùng nhưng cũng đã được chúng tôi dùng trong các danh từ riêng chỉ tên người, địa danh, v.v., hoặc các từ thuộc các lĩnh vực chuyên môn như nghệ thuật, văn hóa, v.v...

Ví dụ: 世阿弥 (Zeami), 文藝 (nghệ thuật và văn chương), 如月 (tháng hai âm lịch)

- 2) Cũng có một số chữ Hán dù nằm trong Bảng các chữ Hán thường dùng và Phụ lục bổ sung của nó nhưng chúng tôi vẫn viết thành chữ Kana để cho người học dễ đọc.

Ví dụ: ある (有る, 在る) (có, có ở), いまさら (今更) (giờ này),

さまざま (様々) (nhiều, đa dạng)

- 3) Đối với chữ số, về nguyên tắc chúng tôi dùng cách viết chữ số Ả-rập.

Ví dụ: 9時 (9 giờ), 10月2日 (ngày mùng 2 tháng 10), 90歳 (90 tuổi)

Tuy nhiên, trong các trường hợp sau đây chúng tôi dùng cách viết chữ số chữ Hán.

Ví dụ: 一日中 (suốt cả ngày), 数百 (vài trăm), 千両 (một nghìn ryo)

- 4) Về nguyên tắc chúng tôi không ghi cách đọc phiên âm Furigana trên các chữ Hán cấp độ sơ cấp.

- 1 Nguyên tắc này không áp dụng cho chữ Hán xuất hiện trong tổ hợp từ ghép gồm cả chữ Hán ở cấp độ trung cấp.

- 2 Cách đọc phiên âm Furigana được ghi trên chữ Hán cấp độ trung cấp xuất hiện lần đầu tiên ở trang tương ứng.

- 3 Khi cùng là một chữ Hán giống nhau xuất hiện trong nội dung chính của phần Đọc/Viết và Nói/Nghe ở hai trạng mở liền nhau thì cách đọc phiên âm Furigana chỉ được ghi cho lần xuất hiện đầu tiên.

(3) Các nội dung chính đã học

Các mẫu ngữ pháp được đưa ra trong phần Đọc/Viết và phần Nói/Nghe được đánh dấu bằng màu nền khác nhau để phân biệt đâu là *Các mẫu lý giải* và đâu là *Các mẫu thực hành*.

1) Đọc/Viết

Tiêu đề của bài đọc mỗi bài, các mục tiêu (chiến lược), các mẫu ngữ pháp (77 mẫu) được đưa ra (bao gồm ① *Các mẫu lý giải*: 34 mẫu, ② *Các mẫu thực hành*: 43 mẫu).

2) Nói/Nghe

Tiêu đề phần 「会話・発表」(Hội thoại/Phát biểu) của mỗi bài, các mục tiêu (chiến lược), các mẫu ngữ pháp (41 mẫu) được đưa ra (bao gồm ① *Các mẫu lý giải*: 20 mẫu, ② *Các mẫu thực hành*: 21 mẫu).

Chúng tôi tránh dùng thuật ngữ ngữ pháp trong trình bày các mẫu ngữ pháp mà đã ghi như cách dưới đây:

Trường hợp phần kết nối là từ hoặc ngữ, chẳng hạn như danh từ, v.v.. thì sẽ được ghi bằng ~.

Ví dụ: ~といった (bài 14)

Trường hợp phần kết nối là câu thì sẽ ghi bằng ….

Ví dụ: …という (bài 15)

Tuy nhiên, trường hợp dù phần kết nối là câu đi nữa nhưng ở cuối câu là các dạng như thể て, thể た, thể từ điển, thể たら, thể ている, thể ば, v.v.. thì sẽ được ghi bằng ~.

Ví dụ: ~たところ (bài 16)

(4) Các mục ngữ pháp mở rộng

1) Các mục ngữ pháp mở rộng là các mục bổ sung thêm cho ngữ pháp trung cấp đã học ở **Minna no Nihongo Chukyu I** và **Minna no Nihongo Chukyu II**. Đây là phần kiến thức được đưa vào nhằm đáp ứng yêu cầu đa dạng của người học hướng đến cấp độ tiếng Nhật cao cấp hay là tiếng Nhật chuyên ngành.

2) Các mẫu ngữ pháp được chia lớn thành 5 mục như dưới đây theo ý nghĩa và chức năng của chúng.

1. Biểu đạt bằng cách sử dụng các trợ từ kép (tổ hợp trợ từ gồm 2 từ trở lên).

2. Biểu đạt bằng cách sử dụng các liên từ.

3. Biểu đạt nhiều cách khác nhau bằng cách sử dụng tiếp vĩ ngữ.

4. Biểu đạt thái độ chú quan hoặc cảm xúc, khi nói.

5. Mô tả trạng thái của một động tác hoặc hiện tượng trong tiến trình đi qua của thời gian.

3) Các câu ví dụ được đưa ra cho mỗi mẫu câu.

4) Ở trong cuốn *Bản dịch và Giải thích Ngữ pháp*, phần giải thích ý nghĩa và chức năng của mẫu câu được cung cấp.

(5) Mục lục

1) Từ mới (khoảng 2,430 từ)

2) Các biểu hiện hội thoại (khoảng 53)

3) Chữ Hán (339 chữ Hán thường dùng xuất hiện trong bài đọc của tất cả 12 bài học, trừ các chữ Hán của cấp độ sơ cấp và 315 chữ Hán đã học ở **Minna no Nihongo Chukyu I**)

4) Các mẫu ngữ pháp (357 mẫu câu được giới thiệu trong phần Ngữ pháp/Luyện tập, *Các mục ngữ pháp mở rộng* và **Minna no Nihongo Chukyu I**)

(6) Đáp án

1) Đáp án

1. Đọc/Viết, Nói/Nghe, Ngữ pháp/Luyện tập

2. Bài tập (bao gồm kịch bản của bài tập nghe hiểu)

(Mỗi câu hỏi có thể sẽ có nhiều đáp án trả lời khác nhau tùy theo bối cảnh của người học. Ở đây đưa ra một ví dụ trả lời làm mẫu.)

